

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 25/4/2024  
V/v: Tranh chấp Ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Tiến.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trịnh Thị Hồng Cúc và bà Nguyễn Thị Mai Xuân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Quảng Đại Phát – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Bà Tài Thị Cao Sâm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 189/2023/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2023 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04/4/2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (Xin xét xử vắng mặt).

**Bị đơn:** Anh Phạm Văn Đ, sinh năm: 1994. Địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Chị và anh Phạm Văn Đ tự tìm hiểu nhau, sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 06/3/2017 tại xã UBND H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Quá trình chung sống lúc đầu hạnh phúc, sau do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không thống nhất về quan điểm sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn

gắn được nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ sống, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, mạnh ai nấy sống từ tháng 6/2023 cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Tâm Th, sinh ngày 21/8/2017. Nếu ly hôn chị yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu anh Phạm Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đi làm ăn xa, xin nghỉ rất khó khăn, chị yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt chị tại phiên tòa sơ thẩm.

*Về phía bị đơn:* Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Phạm Văn Đ không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến gì phản hồi liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

*Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn; chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Văn Đ.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Phạm Văn Đ có địa chỉ cư trú tại thôn 2, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Nội dung các bên tranh chấp xuất phát từ mâu thuẫn gia đình dẫn đến xin ly hôn nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T.

[1.4] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Phạm Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy báo lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do; Điều này chứng tỏ anh Đ đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn Đ.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn Đ đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04/2017, ngày 06/3/2017. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Trong quá trình chung sống chị Tâm và anh Đức tính tình không hợp nhau, không thống nhất về quan điểm sống, có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị T bỏ về nhà cha mẹ sống, tình cảm vợ chồng không còn, mạnh ai nấy sống từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng anh Đ không tham gia tố tụng, không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T. Điều này chứng tỏ anh Đ có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

[2.2]. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn Đ có 01 con chung tên Phạm Tâm Th, sinh ngày 21/8/2017. Khi chị T và anh Đ không còn sống chung thì cháu Th đang ở cùng mẹ, được mẹ chăm sóc nuôi dưỡng, anh Đ không quan tâm đến con.

Quá trình giải quyết vụ án anh Đ vắng mặt, không cung cấp ý kiến về vấn đề nuôi dưỡng con chung. Hiện nay cháu Th đang còn nhỏ nên cần phải có sự chăm sóc của mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Phạm Tâm Th cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, nguyện vọng của con chung và đảm bảo cho con chung phát triển toàn diện về tâm sinh lý về sau là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết, chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện xin chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật nghĩ nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Phạm Tâm Th, 21/8/2017. Anh Phạm Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0002227 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, An văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Ngô Văn Tiên**